

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 5 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Khúc Thị Lan Hg, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 04, ngõ 18, đường L, phường P, thành phố B, tỉnh B.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Hn, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số nhà 78, đường M, phường T, thành phố B, tỉnh B.

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Khúc Thị Lan Hg trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/01/2017, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Hn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh B. Vợ chồng chị chung sống được 5 năm nhưng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Hn không tôn trọng chị, có lời lẽ xúc phạm chị. Tuy công việc của chị vất vả nhưng khi về nhà, chị luôn cố gắng làm tốt bổn phận làm dâu nhưng cũng không nhận được sự động viên từ anh Hn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Hn.

- Về con chung: Chị và anh Hn có một con chung là Nguyễn Minh K-sinh ngày 15/7/2017. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Hn phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm tại bệnh viện tư nhân, thu nhập hơn 4 triệu/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn Hn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Khúc Thị Lan Hg được tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ở UBND phường T, thành phố B năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng nào cũng có. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn giữa anh và chị Hg trở nên trầm trọng, chị Hg bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Từ ngày chị Hg bỏ về nhà mẹ đẻ anh đã nhiều lần xuống nói chuyện và muốn chị Hg về nhưng bản thân chị Hg không muốn quay về chung sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Hg yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Hg có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K-sinh ngày 15/7/2017. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị Hg. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để cháu K ở cùng chị Hg. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, anh sẽ cấp dưỡng cháu Khoa theo điều kiện thực tế của anh. Nghề nghiệp hiện nay của anh là kinh doanh hàng điện nước, thu nhập khoảng 8-9 triệu đồng/ tháng

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ.

* Tại Biên bản làm việc ngày 12/5/2022, bà Nguyễn Thị H1 (mẹ anh Nguyễn Văn Hn) cung cấp: Năm 2017, anh Hn và chị Hg được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa pHg. Sau khi kết hôn, anh Hn, chị Hg chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống, anh Hn và chị Hg có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể bà không biết, chỉ thấy thi thoảng chị Hg bỏ về nhà đẻ. Đến ngày 26/12/2021, chị Hg về nhà đẻ sinh sống đến nay. Nay chị Hg xin ly hôn anh Hn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại Biên bản làm việc ngày 12/5/2022, ông Khúc Đình T (bố chị Khúc Thị Lan Hg) cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa anh Hn và chị Hg như thế nào thì ông không nắm được chỉ thấy nhiều lần (khoảng 5 lần) Hg ôm con và quần áo về nhà ông ở. Sau đó, anh Hn cũng như gia đình hòa giải động viên nên chị Hg lại tiếp tục chung sống với anh Hn. Đến giáp Tết năm 2022 thì mâu thuẫn

giữa chị Hg, anh Hn trầm trọng, chị Hg bỏ về nhà ông ở và nói không thể tiếp tục chung sống với anh Hn được nữa. Gia đình ông cũng nhiều lần hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Nay, chị Hg yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại Biên bản làm việc ngày 12/5/2022, tổ trưởng tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau: Địa phương không nắm được giữa anh Hn và chị Hg xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ biết từ Tết năm 2022, chị Hg không còn sinh sống tại số nhà 78, đường M, phường T cùng gia đình anh Hn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Khúc Thị Lan Hg và bị đơn anh Nguyễn Văn Hn đều xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Khúc Thị Lan Hg được ly hôn anh Nguyễn Văn Hn.

- Về con chung: Giao chị Khúc Thị Lan Hg nuôi con chung Nguyễn Minh K- sinh ngày 15/7/2017. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hg phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn Hn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Khúc Thị Lan Hg và bị đơn anh Nguyễn Văn Hn đều xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hg và anh Hn kết hôn ngày 09/01/2017 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Hg và anh Hn có mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 12/2021. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Hg vẫn cương quyết ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Hg và anh Hn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hg về việc ly hôn anh Hn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị Hg và anh Hn có 1 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 15/7/2017. Sau khi ly hôn, chị Hg đề nghị nuôi con chung, anh Hn nhất trí để chị Hg nuôi con. Xét thấy, chị Hg có việc làm, nơi ở ổn định nên cần giao cho chị Hg nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.3] Anh Hn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hg phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khúc Thị Lan Hg được ly hôn anh Nguyễn Văn Hn.

2. Về con chung: Giao chị Khúc Thị Lan Hg nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh K-sinh ngày 15/7/2017. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Hn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Hg phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001442 ngày 28/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị Hg đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường T, TP B, tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Phương Thảo

